

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10/6/2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ 18/02/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995; thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: 182/A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Xuân S, sinh năm 1989; thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; tạm trú: 556/37 tổ 37, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Th và anh Phan Xuân S tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh T vào năm 2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số

21-2013, quyền số 01-2010. Việc kết hôn của chị Th và anh S là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, chị Th và anh S cùng thuê nhà trọ tại tổ 37, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B để sinh sống. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, anh S đánh đập chị Th cho đến tháng 6/2019 chị Th chuyển đi nơi khác sinh sống và vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Phan Xuân S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Th và anh Phan Xuân S có với nhau 01 con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 01/7/2014. Hiện tại con chung đang sinh sống cùng với anh S. Chị Th yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do anh S trực tiếp nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phan Xuân S:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh S có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh S không có ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh S tham gia hòa giải vào ngày 06/4/2020 và ngày 27/4/2020 nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, chị Th có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh S tham gia phiên tòa vào ngày 20/5/2020 và ngày 10/6/2020 nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 20/5/2020 và ngày 10/6/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phan Xuân S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 20/5/2020 và ngày 10/6/2020 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phan Xuân S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 21-2013, quyền số 01-2010 ngày 29/10/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị Th xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, anh S thường xuyên đánh đập chị và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2019. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn tại địa phương, tuy nhiên chính quyền địa phương không biết về mâu thuẫn của hai vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh S đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do chị Th cung cấp nhưng anh S không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân với nhau một thời gian dài. Vì vậy, chị Th yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với qui định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Th và anh Phan Xuân S có với nhau 01 con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 01/7/2014. Con chung đang sống cùng với anh S. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh S không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không nhưng trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do anh S nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu H, cần tiếp tục giao cháu H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chị Th yêu cầu anh S trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Phan Gia H đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của chị Th nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Phan Xuân S (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 21-2013, quyển số 01-2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh T cấp ngày 29/10/2013).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th có trách nhiệm giao con chung là cháu Phan Gia H, sinh ngày 01/7/2014 cho anh Phan Xuân S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phan Gia H đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Th có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Anh Phan Xuân S không có quyền cản trở chị Nguyễn Thị Th thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày anh Phan Xuân S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Th không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì chị Nguyễn Thị Th còn phải thanh toán cho anh Phan Xuân S tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040076 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Th còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**Nguyễn Thị Thụy**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhựt, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích

về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc            giờ            phút cùng ngày.

#### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**